

MUFG Bank, Ltd., Ho Chi Minh City Branch  
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

**EXCHANGE RATE PUBLIC QUOTATION**  
**BẢNG TỶ GIÁ CÔNG KHAI MUA BÁN NGOẠI HỐI**

Date - Ngày  
As of - Kể từ

19-May-2026- Ngày 19 Tháng 5 Năm 2026  
8h30

CENTRAL BANK'S CORE RATE

25,133

Tỷ Giá Trung Tâm công bố bởi Ngân hàng Nhà Nước

CCY / USD Ngoại tệ / USD	<b>Bank Buy</b> CCY - <b>Sell</b> USD <b>Ngân hàng Mua</b> Ngoại tệ - <b>Bán</b> USD	<b>Bank Sell</b> CCY - Buy USD <b>Ngân hàng Bán</b> Ngoại tệ - <b>Mua</b> USD
	Bank's transfer - Chuyển khoản	
	(TTB)	(TTS)
AUD/USD	0.7051	0.7251
USD/CHF	0.7953	0.7753
EUR/USD	1.1545	1.1745
GBP/USD	1.3319	1.3519
USD/HKD	7.8403	7.8203
USD/JPY	159.99	157.99
USD/SGD	1.2895	1.2695
USD/THB	33.59	31.59
NZD/USD	0.5759	0.5959

CCY / VND Ngoại tệ / VND	<b>Bank Buy</b> CCY - <b>Sell</b> VND <b>Ngân hàng Mua</b> Ngoại tệ - <b>Bán</b> VND	<b>Bank Sell</b> CCY - Buy VND <b>Ngân hàng Bán</b> Ngoại tệ - <b>Mua</b> VND
	Bank's transfer - Chuyển khoản	
	(TTB)	(TTS)
USD/VND	26,170	26,389
JPY/VND	162.11	169.11
AUD/VND	18,491	19,167
CHF/VND	33,073	33,985
EUR/VND	30,262	31,060
GBP/VND	34,910	35,754
HKD/VND	3,340	3,386
SGD/VND	20,341	20,815
THB/VND	785.15	830.69
NZD/VND	15,097	15,757

The above quoted rate is applied to the Threshold of up to USD 50,000 (or equivalent in other foreign currencies).  
Tỷ giá niêm yết trên áp dụng cho Mức Giới Hạn nhỏ hơn hoặc bằng 50.000 Đô la Mỹ ( hoặc các ngoại tệ khác tương đương).

For bigger amount, please contact our officer incharge for individual quotation.  
Đối với các số tiền lớn hơn, xin vui lòng liên lạc với Nhân viên ngân hàng để có mức tỷ giá cụ thể.

The exchange rates and the Threshold are subject to change without prior notice.  
Các tỷ giá và Mức Giới Hạn có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.